

Nhà Thờ Mộ Các Vị Tử Đạo – Di Tích Lịch Sử của Người Việt Công Giáo ở Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Church of the Tomb of the Martyrs – Historical Site of Vietnamese Catholics in Ba Ria – Vung Tau Province

Hồ Lưu Phúc^{1*}

¹ Khoa Du lịch, Đại học Văn Hiến, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Email của tác giả liên hệ: phucluho@gmail.com

*  <https://orcid.org/0000-0002-8861-073X>

 <https://doi.org/10.54855/csl.23314>

© Copyright (c) 2023 Hồ Lưu Phúc

Received: 09/02/2023

Revision: 19/05/2023

Accepted: 16/06/2023

Online: 18/07/2023

Tóm lược

Bà Rịa - Vũng Tàu là địa phương có nhiều tôn giáo, tín ngưỡng phong phú, đa dạng. Tại đây, đạo Công giáo có nhiều đóng góp cho sự phát triển về đời sống văn hoá của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và vùng Đông Nam Bộ. Các trung tâm hành hương, nhà thờ Công giáo trong tỉnh là những địa điểm tham quan tìm hiểu văn hoá, du lịch hấp dẫn. Trong đó, nhà thờ Mộ Các Vị Tử Đạo ở thành phố Bà Rịa, với những giá trị về văn hoá, lịch sử, có nhiều tiềm năng trở thành một trong những địa điểm hành hương Công giáo, thu hút nhiều du khách đến thăm viếng. Trong phạm vi bài viết này, bằng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu cùng phương pháp khảo sát thực địa góp phần giới thiệu di tích nhà thờ Mộ Các Vị Tử Đạo ở thành phố Bà Rịa nhằm đa dạng thêm tuyến điểm tham quan du lịch tìm hiểu văn hóa lịch sử tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Từ khóa: Công giáo; Nhà thờ Mộ; Bà Rịa – Vũng Tàu; Du lịch tâm linh

Abstract

Ba Ria - Vung Tau is a locality with many rich and diverse religions and beliefs. Here, Catholicism has made many contributions to the development of cultural life of Ba Ria Vung Tau province and the Southeast region. Pilgrimage centers, Catholic churches in the province are places to visit to learn about culture and attractive tourism. In particular, Church of the Tomb of the Martyrs in Ba Ria city, with cultural and historical values, has many potentials to become one of the Catholic pilgrimage sites, attracting many visitors to visit. Within the scope of this article, by means of synthesis and analysis of documents and field survey methods contribute to introducing the relics of Church of the Tomb of the Martyrs in Ba Ria city in order to diversify tourist attractions to learn about the culture and history of Ba Ria – Vung Tau province.

Keywords: Catholic; Tomb Church; Ba Ria - Vung Tau; Spiritual tourism

Đặt vấn đề

Hiện nay, Bà Rịa – Vũng Tàu là địa phương đa dạng trong hoạt động tôn giáo với bốn tôn giáo lớn là: Phật giáo; Công giáo; Cao Đài và Tin Lành. Các tôn giáo với nhiều cơ sở thờ tự, nhiều hoạt động tôn giáo phong phú, đa dạng góp phần làm giàu đời sống tín ngưỡng tôn giáo của người dân địa phương. Trong đó, quá trình hình thành và phát triển đạo Công giáo ở Bà Rịa – Vũng Tàu gắn liền với quá trình người Việt vào định cư sinh sống ở vùng đất Nam Bộ từ thế kỷ XVII. Năm 2005,

Giáo phận Bà Rịa được tách ra từ giáo phận Xuân Lộc. Hiện nay, giáo phận Bà Rịa có 5 giáo hạt chính là: Bà Rịa, Bình Giã, Long Hương, Vũng Tàu và Xuyên Mộc với gần 100 cơ sở thờ tự Công giáo.

Giáo phận Bà Rịa hiện nay có ba địa điểm hành hương chính là: Đài Chúa Kitô Vua Núi Tao Phùng; Đền thánh Đức Mẹ Bãi Dâu; Nhà thờ Mồ Các vị tử đạo Bà Rịa. Các điểm hành hương như Đài Chúa Kitô Vua Núi Tao Phùng; Đền thánh Đức Mẹ Bãi Dâu là điểm hành hương, thăm viếng phổ biến, được nhiều du khách đến tham quan. Tuy nhiên, nhà thờ Mồ tọa lạc tại thành phố Bà Rịa, địa điểm gắn với nhiều sự kiện lịch sử và là nơi cửa ngõ dẫn vào các trung tâm du lịch của tỉnh lại chưa được nhìn nhận và đánh giá hiệu quả để đưa vào phục vụ việc tham quan, thăm viếng, hành hương, giới thiệu cho du khách.

Vì chính những giá trị văn hóa, lịch sử của điểm di tích mang lại, cần có những đề xuất, định hướng xây dựng và phát triển điểm di tích thành một cơ sở hành hương Công giáo, một điểm du lịch tâm linh gắn với tìm hiểu lịch sử văn hóa địa phương dành cho khách du lịch. Từ đó, góp phần đa dạng điểm tham quan du lịch tâm linh, hành hương cho du khách khi đến Bà Rịa Vũng Tàu, xây dựng các chương trình du lịch có sự liên kết tuyến điểm trong và ngoài tỉnh, phát triển các chương trình tour hành hương, tour tham quan tìm hiểu di tích lịch sử văn hóa mới cho tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Việc phát triển điểm du lịch tâm linh, hành hương Công giáo nhà thờ Mồ cũng phù hợp với mục đích triển khai của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong vấn đề bảo tồn di sản văn hóa trong giai đoạn hiện nay. Theo quyết định số 5022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc *Triển khai thực hiện chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giai đoạn 2021 – 2025* có nêu: “Bảo tồn và phát huy bền vững các di sản, các công trình có giá trị tiêu biểu, có ý nghĩa chính trị, văn hóa, lịch sử, truyền thống đặc sắc trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bà Rịa – Vũng Tàu vì sự phát triển của đất nước”.

Lý thuyết, phương pháp và lịch sử nghiên cứu

Theo *Từ điển Công giáo, Thánh* (Sanctus, Holy, Saint) ban đầu dùng để chỉ phẩm tính của Thiên Chúa. “Vi Thiên Chúa là Thánh nên tất cả những gì (người hay vật) thuộc về Ngài đều được tách riêng khỏi những gì phàm tục” (Ban Từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2016, tr.790-791). Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, nhiều nhân vật Công giáo, những người có đời sống nổi trội vượt cũng được công nhận là thánh, được gọi chung là các thánh. Khi tuyên thánh cho một số tín hữu qua đời, Hội thánh nhìn nhận các vị này đã sống và thực hành một cách anh dũng các nhân đức, trung thành với ân sủng của Thiên Chúa, đôi khi hi sinh mạng sống của mình để làm chứng cho nước Trời. Các thánh là những mẫu gương về đời sống thánh thiện và có đặc ân chuyển cầu cho các tín hữu.

Tử đạo (Martyr, Martyre, tuấn đạo) có nghĩa là chết vì đạo. *Tử đạo* nghĩa gốc từ tiếng Hy Lạp là sự làm chứng (marturion), tức làm chứng cho đức tin, làm chứng cho Đức Kitô bằng cái chết của chính mình. “Khi tử vì đạo, Kitô hữu nên đồng dạng với Đức Kitô – Đấng đã chấp nhận cái chết để cứu độ muôn người. Họ nên giống Đức Kitô trong việc đổ máu để làm chứng cho đức tin” (Tiểu ban Từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam, tr.368).

Như vậy, thánh tử đạo là những người Công giáo đã chấp nhận cái chết để làm chứng cho đức tin, hướng theo lý tưởng cứu độ muôn người mà Chúa Giêsu đã làm. Họ được giáo hội Công giáo công nhận là những người có đời sống đức tin và nhân đức vượt trội, xứng đáng làm gương cho các Kitô hữu, được hưởng đặc ân chiêm ngưỡng Thiên Chúa tỏ tường và chuyển cầu các cầu xin của tín hữu lên Thiên Chúa, được tưởng niệm hằng năm vào những dịp nhất định và nhân ngày qua đời của họ.

Ngoài ra, trong bài viết này, một số lý thuyết nghiên cứu về du lịch cũng được sử dụng phục vụ đề tài nghiên cứu như: Sản phẩm du lịch; Tài nguyên du lịch; Du lịch tâm linh. *Luật du lịch Việt Nam* (2017) định nghĩa Sản phẩm du lịch là “tập hợp các dịch vụ trên cơ sở khai thác giá trị tài

nguyên du lịch để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch” (Luật Du lịch Việt Nam, 2017, tr.7). Từ khái niệm của sản phẩm du lịch cho thấy, các giá trị của tài nguyên du lịch giữ vai trò quan trọng trong việc định hình các sản phẩm du lịch. Tài nguyên du lịch được hiểu là “cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn – hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch” (Luật Du lịch Việt Nam, 2017, tr.7).

Về khái niệm du lịch tâm linh, Nguyễn Văn Tuấn đưa ra quan điểm như sau: “Xét về nội dung và tính chất hoạt động, du lịch tâm linh thực chất là loại hình du lịch văn hóa, lấy yếu tố văn hóa tâm linh vừa làm cơ sở vừa làm mục tiêu nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của con người trong đời sống tinh thần. Theo cách nhìn nhận đó, du lịch tâm linh khai thác những yếu tố văn hóa tâm linh trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với lịch sử hình thành nhận thức của con người về thế giới, những giá trị về đức tin, tôn giáo, tín ngưỡng và những giá trị tinh thần đặc biệt khác. Theo đó, du lịch tâm linh mang lại những cảm xúc và trải nghiệm thiêng liêng về tinh thần của con người trong khi đi du lịch”(Nguyễn Văn Tuấn, 2013, tr.1).

Bên cạnh đó, có thể nhắc đến khái niệm du lịch tâm linh do Hồ Kỳ Minh đề xuất: “Du lịch tâm linh hiện nay được thể hiện trên nhiều cung bậc, nhiều dạng. Dạng thứ nhất, đó là những hoạt động tham quan, văn cảnh tại các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Đây là dạng hẹp nhất, chưa thể hiện được ý nghĩa của hoạt động du lịch này nhưng lại là hoạt động phổ biến nhất hiện nay; Dạng thứ hai được mở rộng hơn với cách hiểu là tìm đến các địa điểm, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo bên cạnh tham quan văn cảnh thì còn để cúng bái, cầu nguyện. Dạng này có mở rộng hơn nhưng mới chỉ phù hợp với những đối tượng có theo tôn giáo, tín ngưỡng; Dạng thứ ba có mục đích chính là tìm hiểu các triết lý, giáo pháp khiến cho con người trầm tĩnh, để tâm hồn thư thái, cải thiện sức khỏe và cảm nhận chính bản thân mình” (Hồ Kỳ Minh, 2015, tr.5).

Qua khái niệm du lịch tâm linh của Hồ Kỳ Minh, có thể nhận thấy các hình thức của du lịch tâm linh được phân cấp thông qua mức độ tham gia của du khách. Du khách có thể thực hiện các hoạt động được phân cấp từ thấp đến cao tại các cơ sở tôn giáo này bao gồm: ngắm nhìn; thực hiện nghi thức tôn giáo; tìm hiểu sâu sắc và vận dụng các triết lý và niềm tin tôn giáo để hoàn thiện đời sống tinh thần và nâng cao thể chất cho bản thân. Như vậy, những không gian có thể chứa đựng các giá trị văn hóa tâm linh bao gồm các công trình chùa, nhà thờ, thánh đường, thánh thất, đình, chùa, miếu, phủ thờ, ... Các công trình này không những chứa đựng các giá trị văn hóa tâm linh thuần túy mà còn là các điểm đến lưu giữ các giá trị nghệ thuật kiến trúc đặc sắc. Bên cạnh đó, du khách có nhu cầu tìm hiểu du lịch tâm linh còn quan tâm đến sự kiện và các hoạt động thực hành niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng và đức tin.

Để nghiên cứu đề tài này, tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích các tài liệu nghiên cứu khoa học đã được công bố về thông tin quá trình đạo Công giáo phát triển ở Bà Rịa Vũng Tàu, những biến động lịch sử gắn với người Công giáo Bà Rịa và quá trình xây dựng, phát triển của di tích nhà thờ Mồ. Bên cạnh đó, phương pháp điều tra thực địa được tác giả tiến hành vào tháng 08 năm 2022 để tham quan và ghi chép lại một số thông tin, tư liệu cần thiết, kết hợp phỏng vấn các linh mục, người dân theo Công giáo sinh sống lâu năm tại khu vực nhà thờ về tình hình thực trạng du khách đến tham quan, thăm viếng.

Về tài liệu liên quan đến Công giáo Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn thuộc triều đại phương kiến nhà Nguyễn, cần phải kể đến một số công trình nghiên cứu như: *Sự du nhập của Thiên chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX* của Nguyễn Văn Kiêm (2001); Nguyễn Quang Hưng (2007) với *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802 - 1883)*; Trần Hữu Hợp (2004) với *Sự hình thành cộng đồng người Việt Công giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long* đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*; Vua Tự Đức với vấn đề Công giáo trước và sau năm 1862 đăng trên Tạp chí *Khoa học và công nghệ* của Đoàn Thị Yến (2017). Những tài liệu nghiên cứu này giúp ích cho tác giả rất nhiều trong việc hoàn chỉnh được bức tranh lịch sử Công giáo đầy biến động ở Việt Nam

trong giai đoạn triều đình nhà Nguyễn trước khi dẫn đến những sự kiện lịch sử gian khó đối với người Việt theo đạo Công giáo ở Bà Rịa – Vũng Tàu năm 1862.

Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Quá trình hình thành và phát triển đạo Công giáo ở Bà Rịa – Vũng Tàu

Về lịch sử, Bà Rịa Vũng Tàu là vùng đất ở Nam Bộ được định hình và khai phá từ sớm với tên gọi là Mô Xoài. Về vị trí địa lý, Bà Rịa Vũng Tàu nằm gần cửa sông lớn, cận biển nên trở thành nơi dừng chân của những lưu dân Việt sớm nhất, nếu không nói là đầu tiên so với các nơi khác ở phía Nam (Thạch Phương và nnk., 2005, tr.20). Sơn Nam trong *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* nói rõ thêm: “Năm 1658, khi còn bận rộn giao tranh với chúa Trịnh ở phương Bắc, chúa Hiền cho quan Khâm mạng Trần Biên dinh (Phú Yên) đem 2000 quân đến Mỗi Xui (Mô Xoài) để đánh phá, bắt vua Nặc Ông Chân giải về Quảng Bình. Khi ấy ở Mỗi Xui (vùng Bà Rịa ngày nay) và ở Đồng Nai đã có lưu dân của nước ta đến sống chung lộn với người Cao Miên khai khẩn ruộng đất. Người Cao Miên khâm phục oai đức của triều đình đem nhượng hết tất cả đất ấy rồi đi lánh chỗ khác, không dám tranh trở chuyện gì” (Sơn Nam, 2016, tr. 28). Vùng đất Bà Rịa sớm trở nên trù phú, trong *Gia Định Thành Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức (1972) có đoạn: “Bà Rịa là ở đầu biên giới trấn Biên Hòa, là đất có danh tiếng, cho nên các phủ ở phía Bắc có ngạn rằng: Com Nai – Rịa, Cá Rí – Rang là lấy xứ Đồng Nai và Bà Rịa đứng đầu mà bao gồm cả Bến Nghé, Sài Gòn, Mỹ Tho, Long Hồ cũng ở vào trong đó” (Trịnh Hoài Đức, 1972, tr. 35).

Vùng đất Bà Rịa sớm trở thành nơi dừng chân của nhiều đoàn giáo dân Công giáo đến định cư, sinh sống khi các chính sách cấm đạo và bắt đạo của các Chúa Nguyễn ở miền Trung diễn ra gay gắt. Ban đầu họ đi theo từng nhóm riêng lẻ, sau họ khẩn hoang khai phá theo từng nhóm cộng đoàn, sống tập trung theo từng họ đạo khắp cả Nam Bộ. Theo A. Lauray trong cuốn *Histoire de La Mission de Cochinchine 1658 - 1873* thì thời điểm sớm nhất người Việt theo đạo Công giáo ở Nam Bộ là vào năm 1666 khi giáo sĩ Chevreuil và Hainques, hai người Pháp đầu tiên thuộc Hội Truyền giáo Paris, từ Xiêm tìm cách lên vào Đàng Trong. Trên đường đi, giáo sĩ Chevreuil gặp được một gia đình chủ thương thuyền tại Bà Rịa. Sau đó, giáo sĩ đến một nơi được mô tả là “một thị trấn ở giữa sông” và được một quan người Việt có đạo tiếp đón, cho phép làm lễ trước “sự hiện diện của một vài người Việt Công giáo trốn tránh cấm đạo ở xứ Đàng Trong” (A. Launay, 1924, tập I, tr. 67).

Bên cạnh đó, theo tác giả Trần Phở (1975), một sử gia của dòng Phanxico, trong cuốn *Dòng Phanxico trên đất Việt* cho biết thêm: “Từ năm 1670 đã có một họ đạo ở Xích Lam hay Đất Đỏ gần Bà Rịa... Trước năm 1685, ở Đất Đỏ đã có 300 giáo dân. Năm 1691, một vị linh mục Việt Nam, tên là Emmanuel, đã đi thăm ông thân sinh ở Đồng Nai. Ông thân sinh cha đã đưa một phần gia đình vào lập nghiệp tại Đồng Nai và cha đã ở lại 4 tháng hoạt động tại nơi đây” (tr.35). Theo linh mục Adrien Launay, tính đến năm 1747, vùng Đồng Nai có số lượng giáo dân như: “Ben-go (Bến Gỗ) 200 giáo hữu thuộc Hội Thừa Sai Paris. Các cha dòng Tên coi sóc: R. Dou-nai (Đồng Nai) 400, Ben-go (Bến Gỗ) 250, Da-lua 500, Ke-tat 70, Dou-mon 40, R. Moxoai (Mô Xoài) 400, Ba-ria (Bà Rịa) 140, Nui-nua (Núi Nứa) 50 và Đất Đỏ 380” (“Lược sử Giáo phận Bà Rịa”, 2017, Mục 3, Đoạn 2).

Tóm lại, từ các dẫn chứng trên cho thấy Bà Rịa – Vũng Tàu là địa phương ở Nam Bộ có sự định cư, sinh sống của những người giáo dân Công giáo từ rất sớm. Tại đây, mặc dù quá trình sinh sống, định cư và thực hành tôn giáo có những giai đoạn gian nan do những sắc chỉ cấm đạo của vua quan thời phong kiến chúa Nguyễn, sau là triều Nguyễn qua các thời kỳ nhìn chung, Công giáo ở Bà Rịa – Vũng Tàu cũng đã có những giai đoạn vượt qua khó khăn và phát triển.

Những ảnh hưởng sắc chỉ cấm đạo thời vua Tự Đức đối với người Công giáo

Đạo Công giáo khi du nhập vào Việt Nam đã gặp không ít khó khăn do sự đối kháng ban đầu giữa giáo lý Công giáo và triết lý văn hoá truyền thống Việt Nam. Điều nay dẫn đến hệ lụy là những sắc chỉ cấm đạo của các tập đoàn phong kiến Việt Nam. Mặc dù các sắc chỉ cấm đạo này có phần được nới lỏng vào thời vua Gia Long vì một số giáo sĩ phương Tây có công hỗ trợ đắc lực cho vị

vua này trong việc giao tranh với nhà Tây Sơn. Nhưng tựu chung, “Các vua nhà Nguyễn, đã mang sẵn nỗi âu lo về chủ nghĩa đế quốc phương Tây, đang ngày càng đe dọa nghiêm trọng hơn. Dĩ nhiên các nỗi lo ấy không phải là cơ chính đáng cho các cuộc bách hại thời Minh Mạng (1833 và 1838). Theo các sắc chỉ của nhà vua, đạo của bọn Hòa Lan là một tà đạo, là đạo bất nhơn, cảm đoán việc thờ cúng tổ tiên, một thứ đạo gieo hỗn loạn vào phong tục và trật tự của nước nhà. Nhà vua ra lệnh cấm không cho thừa sai xâm nhập và xử tử những ai ngoan cố tiếp tục truyền bá Kitô giáo” (Trần Tam Tinh, 1988, tr. 32-33).

Công giáo lại gặp khó khăn nhiều hơn vào thời vua Tự Đức với những chính sách cấm đạo gây gắt. Năm 1848, vua Tự Đức đã phê duyệt lệnh cấm đạo: “Phàm những đạo trưởng Tây Dương lén đến nước ta thì cho quân dân mọi người ai có thể bắt được giải nộp quan, cho 300 lượng bạc... Các đạo trưởng Tây dương bị bắt cho ném xuống sông, xuống biển. Đạo trưởng và giáo dân người Việt nếu tự nguyện bỏ đạo, bước qua thánh giá thì thả ngay. Nếu không đạo trưởng bị xử tử; giáo dân bị thịch chữ vào mặt, nếu biết hối cải, cho phép quan đến tẩy chữ...” (Viện sử học Việt Nam, 1973, tr. 111), hay “...Để làm sáng tỏ chính đạo cần phải bắt và liệng xuống sông tất cả các Tây Dương đạo trưởng và các đạo trưởng Việt Nam dù chúng nó có chà đạp hay không chà đạp thập tự giá, phải chặt chúng ra làm hai để cho hết mọi người đều biết sự nghiêm ngặt của đạo luật nước chúng ta...” (Nguyễn Văn Kiệm, 2001, tr. 221).

Hơn nữa, thời gian vua Tự Đức lên ngôi trong giai đoạn đất nước đang đứng trước bờ vực xâm lăng của thực dân Pháp. Những hoạt động gây hấn cùng những áp lực nội tại đã khiến cho vị vua không trở nên sáng suốt, linh hoạt trong ứng xử với người Công giáo để rồi mắc mưu kẻ thù, thỏa hiệp từng bước với Pháp, kết cục là đầu hàng và mất nước. Hậu quả là lịch sử Công giáo phải trải qua những trang sử đẫm máu và nước mắt, gây nên những mặc cảm nhất định trong lòng những người công giáo. “Sắc chỉ ngày 17/01/1860 truyền phải phân tán người Công giáo tới sông xen kẽ giữa các làng người lương, để mỗi tít đồ phải có 5 đồng bào lương kiểm soát. Tất cả các làng và nơi thờ tự của Công giáo phải triệt hạ; tài sản của người Công giáo phải bị tịch thu và sau hết phải khắc chữ TÀ ĐẠO lên má các tín đồ (Trần Tam Tinh, 1988, tr. 40).

Những chỉ dụ cấm đạo của Tự Đức từ năm 1858 đến năm 1862 đã gây cho Công giáo nhiều tổn thất. Trong số những chỉ dụ cấm đạo ban hành trong thời gian này thì chỉ dụ “Phân tháp giáo dân” (ban hành vào tháng 7 năm 1861) là quyết liệt nhất. Chỉ dụ nêu rõ:

1. Tất cả giáo dân, đàn ông và đàn bà, người già cũng như trẻ con, đều phải phân tán vào các làng bên lương.
2. Tất cả các làng bên lương phải chịu trách nhiệm canh gác các giáo dân đã được chia về theo tỉ lệ cứ 5 người lương có một người bên giáo.
3. Tất cả các làng bên giáo đều phải san bằng, phá huỷ; đất đai, vườn tược sẽ được chia cho các làng bên lương ở xung quanh, các làng này có nghĩa vụ phải nộp thuế.
4. Giáo dân đàn ông phải tách khỏi giáo dân đàn bà; đàn ông đưa đi một tỉnh, đàn bà đi một tỉnh khác để họ không thể xum họp; trẻ con sẽ giao cho gia đình bên lương nào muốn nuôi chúng.
5. Trước khi đưa đi, tất cả giáo dân, đàn ông, đàn bà, trẻ con đều phải thịch chữ vào mặt; ở má trái là hai chữ tà đạo, ở má phải là tên tổng, huyện gửi tới để chúng không thể chạy trốn” (Nguyễn Văn Kiệm, 2001, tr. 241).

Các chỉ dụ giai đoạn thời vua Tự Đức được thi hành khá triệt để là vì được ban hành đúng lúc quân Pháp đang tiến hành đánh chiếm Nam Bộ nên quyết tâm của triều đình Huế càng mãnh liệt hơn, các cấp chính quyền thực hiện tương đối nhất quán. Hơn nữa, chỉ dụ này đánh trực tiếp vào tổ chức giáo hội của người Công giáo khiến cho giáo dân không có cơ hội để sinh hoạt tôn giáo đều đặn. Có thể vì đó mà một bộ phận không nhỏ những người công giáo chưa hoàn toàn tín với đạo trở nên nhạt đạo, tiến tới bỏ đạo, “...50 nghìn Kitô hữu bị chết và bỏ đạo” (Nguyễn Quang Hưng, 2007, tr. 320).

Những chính sách cũng như quan điểm của vua Tự Đức chỉ thay đổi sau khi triều đình nhà Nguyễn buộc ký với Pháp hiệp ước Giáp Tuất 1862. Cùng với những thoả hiệp trong vấn đề lãnh thổ ở Nam Kỳ, triều đình Huế phải thoả hiệp với liên quân Pháp - Tây Ban Nha về việc truyền đạo. Khoản 2 của Hiệp ước Nhâm Tuất ghi rõ “Công dân hai nước Pháp và Tây Ban Nha được phép truyền đạo ở vương quốc Annam. Công dân của vương quốc này, không phân biệt, nếu có ý nguyện trở thành tín đồ Công giáo, được tự do hành đạo. Không ai được phép buộc người dân theo tôn giáo mà họ không muốn” (Nguyễn Quang Hưng, 2007, tr. 325). Vua Tự Đức lại có những chính sách ôn hòa hơn đối với người Công giáo: “Dân theo đạo cũng là con đò của triều đình, nếu ghét bỏ quá lắm, giết hết sạch cả, chỉ tổ gây ra hân khích hại đến hoà khí, không phải là cách yên dân” (Nguyễn Quang Hưng, 2007, tr. 329).

Tóm lại, xét về những nỗ lực của vua Tự Đức cùng triều đình nhà Nguyễn trước vận mệnh của đất nước là rất lớn trong việc bảo vệ cương vực lãnh thổ trước thực dân Pháp nhưng những biện pháp thực hiện cùng những sắc chỉ cấm đạo đã phần nào khiến triều đình nhà Nguyễn rơi vào âm mưu của thực dân Pháp. Người Công giáo giai đoạn này rơi vào những cuộc giằng xé và âm mưu của các tập đoàn chính trị khiến cho đời sống giáo dân khôn cùng và luôn đối mặt với hiểm nguy. Các chính sách bắt đạo, cấm đạo đã khiến cho người Pháp dựa vào cơ đó để xâm chiếm Việt Nam. Ngoài ra, từ chính những biến động chính trị này đã gây ra sự ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của người giáo dân Công giáo, góp phần dẫn đến biến cố lịch sử tại Bà Rịa năm 1862.

Những người công giáo hi sinh vì đạo ở Bà Rịa Vũng Tàu

Giai đoạn bắt đạo của triều đình nhà Nguyễn đối với người Công giáo ở Bà Rịa trở nên gay gắt sau khi Pháp nổ tiếng súng đánh chiếm Nam Kỳ. Quan quân triều đình địa phương đã trở nên bỡ ngỡ trước hỏa pháo của thực dân Pháp khi đánh chiếm hai tỉnh Gia Định và Định Tường. Dù vậy quân nhà Nguyễn vẫn nhất quyết phản công giành lại quyền kiểm soát hai tỉnh này. Quan quân nhà Nguyễn do những ngờ vực về người Công giáo hỗ trợ cho Pháp, thêm vào đó những sắc chỉ của vua Tự Đức ban hành trước năm 1862 đã khiến cho thái độ quan quân triều đình với người Công giáo ngày càng trở nên gay gắt.

Chính sách cấm đạo “Tiền sát tả, hậu bình tây” gây khó khăn cho người Công giáo trong một thời gian dài. Quan quân lùng bắt các giáo dân Công giáo, khắc vào hai bên má họ hai chữ “BIÊN HÒA TẢ ĐẠO” cùng với việc cho xây dựng tại Bà Rịa bốn cái khảm lớn để giam giữ giáo dân Công giáo. Có hơn 700 người bị bắt trong các đợt lùng bắt này: Trại giam chính (Bà Rịa): khoảng 300 người; Trại giam thứ hai (Long Điền): khoảng 135 người; Trại giam thứ ba (Long Tân): 140 người; Trại giam thứ tư (Đất Đỏ): 125 phụ nữ và trẻ em (“Lược sử giáo phận Bà Rịa”, 2017, Mục 4, Đoạn 1).

Ngày 07 tháng 01 năm 1862, từ Vũng Tàu quân đội Pháp tiến công về Bà Rịa, quan quân triều Nguyễn trước khi rút lui đã thiêu sống các tín hữu ở cả bốn trại giam trên. Tổng số giáo dân bị chết thiêu là 444 người gồm có 288 đàn ông và 156 phụ nữ và trẻ em. “Qua ngày sau (8-1-1862) người ta đến tận ngục thì chỉ thấy một đống tro tàn và ngổn ngang những xác chết. Trên tàu Pháp có Cha Croc làm tuyên úy. Cha Croc hợp tác với Cha Trí, một linh mục địa phương đã ẩn núp giúp đỡ giáo hữu, cùng lo liệu mai táng hài cốt những người chịu chết vì đạo Chúa. Hai Cha đã bảo đào ba cái huyệt lớn gần bên ngục. Nội ngày đó (08-01-1862) Cha Croc làm phép xác và chôn các đáng ấy trong ba cái huyệt tạm” (Errard, 1960, tr. 19). Thời gian sau, Linh mục Errard tiếp quản họ đạo, sau khi đã lo yên ổn họ đạo, “Cha liền khởi sự tra cứu cho biết ai đã chịu chết vì đạo. Cha mời những người thân nhân còn sống đến khai tên tuổi và Cha đã ghi chép để truyền cho Họ đạo Bà Rịa đến nay” (Errard, 1960, tr. 22).

Những người hi sinh vì đạo nhờ công ơn của linh mục Errard đã được quy tập về một chỗ. Ngoài việc ghi chép cẩn thận lại danh sách những giáo dân Công giáo gặp nạn, linh mục Errard còn cho lấy hài cốt nơi ba huyệt mộ đã chôn các người đã bị chết thiêu ở ngục Phước Dinh, và táng chung vào một mộ phần xây bằng gạch tử tế tại chính nơi dấu tích ngục Phước Dinh ngày trước. Không những thế, vị linh mục này dùng chính số tiền của giáo dân quyên góp để đặt một ngôi mộ bằng đá cẩm thạch tại Hồng Kông đem về để tu bổ cho mộ phần được khang trang hơn.

Tổng quan về công trình nhà thờ Mồ Các vị tử đạo Bà Rịa

Nhà thờ Mồ hiện nay tọa lạc ở đường Huỳnh Tấn Phát, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, nằm cách nhà thờ chính tòa Bà Rịa hiện nay khoảng 700m, cách trung tâm hành chính thành phố Bà Rịa khoảng 2km và thành phố biển Vũng Tàu 12km. Cơ sở thờ tự Công giáo này được xây dựng với kiến trúc bằng đá kiên cố, kiến trúc tổng thể như một ngôi nguyện đường nhỏ, khiêm tốn giữa lòng thành phố nhộn nhịp, đông đúc. Đây là nơi dừng chân, cầu nguyện của nhiều khách hành hương Công giáo, nơi cất giữ những ký ức đau thương và cũng rất kiên cường, anh dũng của cộng đoàn giáo dân ở Bà Rịa.

Bước vào khu vực bên trong thánh đường, tại lối đi chính giữa trước khi dẫn lên khu vực cung thánh chính là ngôi mộ tập thể của hơn 400 giáo dân Công giáo đã hi sinh vì những chính sách cấm đạo thời phong kiến nhà Nguyễn. Ngôi mộ khiêm nhường, đơn sơ nhưng thể hiện được ước vọng sống và chết vì đạo, niềm tin kiên trung của các bậc tiền nhân xưa.

Mộ cẩm thạch có khắc những câu chữ La-tinh, lời thi ca tuy đơn giản, không theo quy luật, nhưng nói lên được niềm hy vọng, những nỗi gian lao, làm gương cho hậu thế:

+ Phía trên đầu mộ: *Beati qui persecutionem patiuntur propter justitiam*¹.

+ Phía dưới chân mộ: *Thôm, Đất Đỏ, Thành, Phước Dinh Hội*².

+ Phía bên phải mộ:

*Hic in spe resurrectionis
Jacent christiani circiter CCC
Qui pro fide incarcerati Per III menses passi,
Tandem igne perierunt,
Et in loco passionis sepulti sunt
Die VIII Januarii MDCCCLXII*³.

+ Phía bên trái mộ:

*Ba trăm bốn đạo xác nằm đây,
Những trông sống lại hưởng phúc đây,
Vì Chúa tù lao đư ba tháng
Cam lòng chịu chết cháy chỗ này;
Lập mộ táng chung vào một huyết,
Giáo nhơn coi đó nhớ hằng ngày.*

Ngày nay, vào những ngày lễ tưởng niệm “Các vị Thánh tử đạo Việt Nam” của người Công giáo, những ngày tưởng nhớ công ơn ông bà cha mẹ tổ tiên. Giáo dân ở Bà Rịa nói riêng và những người Công giáo hành hương từ nhiều nơi vẫn tìm đến nhà thờ Mồ ở Bà Rịa không chỉ để tham quan, tìm hiểu về lịch sử một giai đoạn đã qua mà còn thể hiện lòng biết ơn, tưởng nhớ những người hi

¹ Nghĩa là: “Phúc cho những ai bị bắt bớ vì sự công bình”

² Tên các ngục tù giam giữ các giáo dân Công giáo ngày trước.

³ Nghĩa là: “Nơi đây với hy vọng phục sinh. Có khoảng 300 giáo dân Công giáo. Những người bị bỏ tù vì đức tin của họ đã phải chịu đựng trong 3 tháng. Cuối cùng họ đã chết vì lửa. Và họ đã bị chôn vùi trong ngục tù này vào ngày 8 tháng 1 năm 1862”.

sinh làm gương cho hậu thế. Ngôi nhà thờ Mồ các vị tử đạo Bà Rịa vẫn tồn tại với năm tháng và đã trở thành chứng tích hào hùng của các “chiến sĩ đức tin” lấy mạng sống mình để vun đắp sự sống cho con cháu mai sau, là đức tin sống động đang lưu thông trong huyết quản từng giáo dân Bà Rịa hôm qua, hôm nay và mãi về sau.

Tiềm năng xây dựng nhà thờ Mồ thành điểm du lịch tâm linh tại Bà Rịa Vũng Tàu

Chính những giá trị về mặt lịch sử, văn hoá của di tích nhà thờ Mồ góp phần đưa địa điểm này phát triển trở thành một trong những địa điểm tham quan có khả năng thu hút nhiều khách du lịch đến hành hương, tham quan, tìm hiểu lịch sử, văn hoá, con người địa phương. Nhà thờ Mồ không chỉ là sự tự hào cho đời sống văn hóa tôn giáo của người Công giáo ở Bà Rịa – Vũng Tàu mà còn là một địa điểm tham quan bổ ích góp phần thúc đẩy du lịch tại địa phương phát triển.

Với thế mạnh vị trí địa lý của nhà thờ Mồ nằm tọa lạc tại trung tâm thành phố Bà Rịa, nơi giao lưu buôn bán, phát triển kinh tế, hàng hóa sôi nổi của toàn tỉnh. Hơn nữa, thành phố Bà Rịa nơi có tuyến quốc lộ 51 đi ngang qua, là cửa ngõ để dẫn đến các trung tâm phát triển du lịch của tỉnh như thành phố biển Vũng Tàu, Long Hải, Hồ Tràm. Nhà thờ Mồ có cơ hội thuận tiện cho việc đón khách du lịch tham quan hoặc trở thành điểm dừng chân ở cả hai chiều đi và về khi khách du lịch đến Bà Rịa Vũng Tàu, địa điểm rất thuận lợi trong việc liên kết các tuyến điểm khác của toàn vùng. Hơn nữa, điều kiện cơ sở hạ tầng giao thông ngày nay càng được nâng cấp, mở rộng, lưu lượng phương tiện tham quan di chuyển về các thành phố du lịch, khu du lịch của Bà Rịa – Vũng Tàu ngày càng đông đúc, tạo thế mạnh cho việc phát triển các tuyến điểm du lịch của tỉnh nhà.

Ngoài ra, từ trước đến nay, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã phát huy khả năng thu hút khách du lịch ở các loại hình du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, hành hương hiệu quả qua các điểm tham quan, cơ sở thờ tự Phật giáo, Công giáo tại địa phương. Đây cũng là tầm nhìn của chính quyền địa phương khi nơi đây có bề dày phát triển lịch sử, văn hóa ở Nam Bộ rất sớm, nơi đa dạng các tín ngưỡng, tôn giáo cùng các cơ sở thờ tự. Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cũng như Đông Nam Bộ cũng là nơi có đông đúc giáo dân, tín đồ Công giáo sinh sống, việc thực hành đời sống tâm linh tín ngưỡng được bà con giáo dân quan tâm. Vì thế, việc giới thiệu, đầu tư cho cơ sở thờ tự Công giáo nhà thờ Mồ giúp đa dạng thêm địa điểm tham quan du lịch, nơi dừng chân hành hương cho tín đồ, khách du lịch trong và ngoài tỉnh.

Kết luận

Nhà thờ Mồ ngày nay trở thành một trong những địa điểm hành hương không chỉ với người Công giáo mà còn trở thành địa điểm tham quan hấp dẫn trong việc tìm hiểu về lịch sử, văn hóa của nhiều khách du lịch khi đến Bà Rịa – Vũng Tàu. Với những giá trị lịch sử mà điểm tham quan này mang lại là điều kiện giúp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bổ sung vào sơ đồ tuyến điểm tham quan du lịch địa phương thêm một địa điểm du lịch phục vụ nhu cầu cho khách du lịch dừng chân tham quan, thăm viếng, góp phần quảng bá con người, lịch sử, văn hoá địa phương, đầu tư, xây dựng và đổi mới nhiều loại hình du lịch thu hút nhiều khách du lịch hơn khi đến Bà Rịa Vũng Tàu. Nhà thờ Mồ ở Bà Rịa – Vũng Tàu trong thời gian tới cần được nhiều hơn sự quan tâm, đầu tư, quảng bá để nhiều du khách biết đến, tạo động lực cho phát triển văn hóa, kinh tế du lịch ở địa phương.

Với những điều kiện thuận lợi nêu trên, tác giả đề xuất một số định hướng trong phát triển điểm du lịch tâm linh, hành hương nhà thờ Mồ của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu như sau:

Một là, chính quyền, Sở văn hóa, các cơ quan ban ngành địa phương phối hợp cùng các nhà nghiên cứu chuyên môn xây dựng tài liệu và tiến hành lập hồ sơ trình Ủy ban tỉnh trong việc công nhận di tích lịch sử, văn hóa cho điểm tham quan, hành hương nhà thờ Mồ ở thành phố Bà Rịa. Đây là điều kiện ban đầu để tiến hành công tác trùng tu, xây dựng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ khách du lịch đến thăm viếng.

Hai là, tăng cường giới thiệu, quảng bá thông tin về địa điểm tham quan qua phương tiện truyền thông, các kênh du lịch, văn hóa địa phương và khu vực để thu hút sự quan tâm, tìm hiểu của khách du lịch trong và ngoài địa phương.

Ba là, các đơn vị lễ hành khảo sát, bổ sung điểm tham quan, dùng chân hành hương nhà thờ Mồ vào tuyến điểm du lịch ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Các công ty du lịch có thể khảo sát, thiết kế chương trình du lịch gắn địa điểm di tích nhà thờ Mồ, đa dạng hơn trong việc xây dựng, thiết kế các chương trình du lịch hành hương dành cho tín đồ Công giáo và tham quan du lịch tâm linh dành cho các đối tượng là khách tham quan, trải nghiệm lịch sử, văn hóa địa phương. Có thể phát triển, liên kết các tuyến điểm tham quan, hành hương cho du khách như:

- Tour hành hương, cầu nguyện, tham dự thánh lễ cho khách Công giáo qua chương trình tham quan nhà thờ Mồ các thánh tử đạo, Tượng Chúa Kitô núi Tao Phùng và Đền thánh Đức Mẹ Bãi Dâu kết hợp tham quan, nghỉ dưỡng tại thành phố biển Vũng Tàu trong một ngày, hai ngày một đêm v.v.

- Tour tham quan nhà thờ Mồ kết hợp du lịch sinh thái, tham quan, nghỉ dưỡng ở các tuyến điểm du lịch biển Long Hải, Hồ Tràm, Hồ Cốc hay kết hợp cùng các tour khám phá như leo núi Minh Đạm, tham quan trải nghiệm tại khu suối nước nóng Bình Châu Hồ Cốc, hệ sinh thái rừng Bình Châu Phước Bửu, núi Dinh v.v.

Với cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật hiện đại, bằng nhiều phương tiện di chuyển, khách tham quan có thể dùng nhiều phương tiện di chuyển như ô tô gia đình, xe khách chuyên phục vụ khách tham quan, du lịch hoặc các hình thức du lịch khám phá bằng xe máy, xe đạp với nhiều loại hình tour dài ngày, ngắn ngày.

Tài Liệu Tham Khảo

“Thông kê dân số Bà Rịa – Vũng Tàu”. Truy xuất từ: <https://kehoachviet.com/thong-ke-dan-so-ba-ria-vung-tau/>, truy cập lúc 18h ngày 17/08/2022.

A. Launay. (1924). *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658- 1823*, Documents Historiques, Maisonneuve Frères, Paris 1924, tập I (1658-1728); II (1728-1771); III (1771- 1823).

Ban Từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam. (2016). *Từ điển Công giáo*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo Hà Nội.

Đoàn Thị Yến. (29/12/2017). Vua Tự Đức với vấn đề Công giáo trước và sau năm 1862. Tạp chí *Khoa học và công nghệ*, 175 (15), tr. 9-14.

Errard. (1960). *Những chiến sĩ vô danh: Phước Tuy lửa máu*, Sài Gòn.

Giáo phận Bà Rịa. (Ngày 21/12/2017). “Lược sử giáo phận Bà Rịa”. Truy xuất từ: <https://www.giaophanbaria.org/giao-phan/qua-trinh-hinh-thanh-va-phat-trien-giao-phan-ba-ria>, truy cập lúc 18h ngày 17/08/2022.

Hồ Kỳ Minh (chủ nhiệm). (2013). *Nghiên cứu và đề xuất giải pháp phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*, Đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh, Viện nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội Đà Nẵng.

Lê Văn Khuê. (15/10/2020). *Công giáo tại đồng bằng Nam Bộ trong các thế kỷ XVII và XVIII*. Truy xuất từ: <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/cong-giao-tai-dong-bang-nam-bo-trong-cac-the-ky-xvii-va-xviii-40767>.

Nguyễn Quang Hưng. (2007). *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802 - 1883)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo.

Nguyễn Văn Kiệm. (2001). *Sự du nhập của Thiên chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

- Nguyễn Văn Tuấn – Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch. (2013). *Tham luận tham dự Hội nghị quốc tế về du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững* (Ninh Bình, 21-22/11/2013).
- Son Nam. (2016). *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.
- Thạch Phương & Nguyễn Trọng Minh (Chủ biên). (2005). *Địa chí Bà Rịa – Vũng Tàu*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Tiểu ban Từ vựng Công giáo, Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam. (2011). *Từ điển Công giáo 500 mục từ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo Hà Nội.
- Trần Hữu Hợp. (2004). Sự hình thành cộng đồng người Việt Công giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo* số 06, tr.32-40.
- Trần Phổ. (1975). *Dòng Phanxicô trên đất Việt*. Sài Gòn: Nhà in Ronéo.
- Trần Tam Tỉnh. (1988). *Thập giá và lưỡi gươm*. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.
- Trịnh Hoài Đức. (1972). *Gia Định thành thông chí, Tập thượng, quyển 1 và 2* (Tu Trai Nguyễn Tạo dịch). Nha Văn Hóa, Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa.
- Viện Sử học Việt Nam. (1973). *Quốc Sử quán triều Nguyễn - Đại Nam thực lục chính biên, Tập XXVI*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Biodata

Ho Luu Phuc is a lecturer the Faculty of Tourism, Van Hien University, Ho Chi Minh City, Vietnam.